**MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ II – TOÁN 8 ( 2022 – 2023)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT** | Phương trình bậc nhất |  |  |  | 1  (Bài 1a)  (0,5đ) |  |  |  |  | 3,25đ |
| Phương trình quy về phương trình bậc nhất |  |  |  |  |  | 1  (Bài 1c)  (0,75đ) |  | 1  (Bài 5)  (0,75đ |
| Phương trình tích |  |  |  | 1  (Bài 1b)  (0,5đ) |  |  |  |  |
| Phương trình chứa ẩn ở mẫu |  |  |  |  |  | 1  (Bài 1d)  (0,75đ) |  |  |
| **2** | **BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT** | Bất phương trình bậc nhất |  |  |  | 1  (Bài 2a)  (1,0đ) |  |  |  |  | 2,0đ |
| Bất phương trình quy về bất phương trình bậc nhât |  |  |  |  |  | 1  (Bài 2)  (1,0đ) |  |  |
| **3** | **HÌNH HỌC** | Tam giác đồng dạng |  |  |  |  |  | 1  (Bài 6b)  (1,0đ) |  | 1  (Bài 6c)  (1,0đ) | 3,0đ |
| Định lí Pytago |  |  |  | 1  (Bài 6a)  (1,0đ) |  |  |  |  |
| **4** | **BÀI TOÁN ỨNG DỤNG THỰC TẾ** | Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình |  |  |  |  |  | 1  (Bài 4)  (1,0 đ) |  |  | 1,75đ |
| Dạng % |  |  |  |  |  | 1  (Bài 3)  (0,75 đ) |  |  |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | |  |  |  | 4  3,0đ |  | 7  5,25đ |  | 2  1,75đ | 12  10 đ |
| **Tỉ lệ %** | | |  | | **30%** | | **52,5%** | | **17,5%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **30%** | | | | **70%** | | | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ II- TOÁN 8(2022 – 2023 )**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| 1 | **PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT** | Phương trình bậc nhất | ***Thông hiểu****:*  -Giải phương trình ax + b = 0 | |  | | 1  (Bài 1a) | |  | |  | |
| Phương trình quy về phương trình bậc nhất | ***Vận dụng:***  - Biến đổi đưa phương trình về dạng ax = c.  Vận dụng cao:  - Vận dụng giải phương trình để giải quyết yêu cầu của bài toán | |  | |  | | 1  (Bài 1b) | |  | |
| Phương trình tích | ***Thông hiểu:***  -Giải phương trình A(x).B(x) = 0 | |  | | 1  (Bài 1c) | |  | |  | |
| Phương trình chứa ẩn ở mẫu | ***-Vận dụng:***  -Giải phương trình chứa ẩn ở mẫu | |  | |  | | 1  (Bài 1d) | |  | |
| 2 | **BẤT PHƯƠNG TRÌNH** | Bất phương trình bậc nhất | ***Thông hiểu:***  -Giải bất phương trình ax + b ≥0. Biểu diễn tập nghiệm trên trục số | |  | | 1  (Bài 2a) | |  | |  | |
|  |  | Bất phương trình quy về bất phương trình bậc nhất | ***Vận dụng:***  - Biến đổi đưa bất phương trình về dạng bất phương trình bậc nhất. | |  | |  | | 1  (Bài 2b) | | 1  (Bài 5) | |
| 3 | **HÌNH HỌC** | Tam giác đồng dạng | ***Vận dung:***  -Vận dụng các trường hợp đồng dạng để chứng minh hai tam giác đồng dạng  ***Vận dụng cao:***  - Chứng minh hai tam giác đồng dạng để giải quyết yêu cầu của bài toán | |  | |  | | 1  (Bài 6b) | | 1  (Bài 6c) | |
| Định lí Pytago | ***Thông hiểu:***  - Dùng định lí Pytago tính độ dài cạnh của tam giác vuông khi biết độ dài hai cạnh | |  | | 1  (Bài 6a) | |  | |  | |
| 4 | **BÀI TẬP ỨNG DỤNG THỰC TẾ** | Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình | ***Vận dụng :***  -Phân tích, tìm mối tương quan giữa các đại lượng nêu ra trong đề từ đó lập được phương trình.  -Giải phương trình trả lời | |  | |  | | 1  (Bài 4) | |  | |
| Dạng % | ***Vận dụng:***  -Vận dụng công thức về % giảm, %hao hụt trong tính toán | |  | |  | | 1  (Bài 3) | |  | |

**TỔNG CỘNG: 12câu.**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI  TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN XƠ | ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II  NĂM HỌC 2022-2023  MÔN: TOÁN – LỚP 8 |
|  | *Thời gian: 90 phút*  (*không kể thời gian phát đề*) |
|  |  |

**Bài 1 (2,5đ): Giải phương trình**

a) 2x + 4 = 0

b) (x + 3) (3x – 6) = 0

c) = 

d) = 

**Bài 2(2,0đ): Giải bất phương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số.**

a) 5x – 15  0

b) 4x – 5 < 6x + 3

**Bài 3(0,75đ):** Siêu thị điện máy có chương trình khuyến mãi nhân dịp khai trương là giảm 10% trên giá niêm yết khi khách hàng mua tivi Sony .Nếu khách hàng mua từ hai cái tivi trở lên thì cái tivi thứ nhất vẫn giảm 10%, từ cái tivi thứ hai trở đi mỗi tivi được giảm 20% trên giá niêm yết. Cho biết giá niêm yết của một tivi Sony là 15 triệu đồng.

a) Hỏi nếu chị Mai mua một tivi Sony thì trả bao nhiêu tiền?

b) Hỏi anh Nam mua hai tivi Sony thì phải trả bao nhiêu tiền ?

**Bài 4(1,0đ):** Một xe ô tô đi từ A đến B với vận tốc 50km/h rồi từ B về A với vận tốc 40km/h cả đi lẫn về mất hết 9 giờ. Tính quãng đường AB.

**Bài 5(0,75 đ):** Tìm m để phương trình (2x + 1)(2m+ 8x) =40 + 5(x +3) có nghiệm là 3

**Bài 6(3,0đ):** Cho Δ ABC vuông tại A. Biết AB = 9cm, AC = 12 cm. Vẽ AH là đường cao của ΔABC

a) Tính độ dài BC

S

b) Chứng minh ABC ΔHBA

c) Vẽ BD là tia phân giác của ( D ∈AC). Tia BD cắt AH tại E . Vẽ AM ⊥BD tại M. Chứng minh AM là tia phân giác của

..…HẾT …..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM** | | |
| **Bài** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **1 (2,5đ)** | a) 2x + 4 = 0  ⇔2x = – 4  ⇔x = – 2  Vậy S = | 0,25  0,25 |
| b) (x + 3) (3x – 6) = 0  ⇔  ⇔  Vậy S = | 0,25  0,25 |
| c) =  ⇔2(x + 1) + x – 2 = 3(2x – 5)  ⇔2x + 2 + x – 2 = 6x – 15  ⇔x = 5  Vậy S = | 0,25  0,25  0,25 |
| d) =  ĐKXĐ: x ≠± 3  ⇒x – 3 – 3 (x + 3 ) = 2x  ⇔x – 3 – 3x – 9 = 2x  ⇔– 4x = 12  ⇔ x = – 3 ( Loại)  Vậy S = ∅ | 0,25  0,25  0,25 |
| **2(2,0đ)** | a) 5x – 15  0  ⇔5x ≥ 15  ⇔x ≥ 3  Vậy S =  Biểu diễn đúng | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| b) 4x – 5 < 6x + 3  ⇔ 4x – 6x < 3 + 5  ⇔ – 2x < 8  ⇔ x > – 4  Vậy S =  Biểu diễn đúng | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **3(0,75đ)** | a)Số tiền chị Mai phải trả khi mua một tivi Sony:  15 . 90% =13,5 (triệu đồng) | 0,25 |
| b)Số tiền anh Nam phải trả khi mua hai tivi Sony:  15 . 90% + 15 . 80% =25,5 (triệu đồng) | 0,5 |
| **4(1,0đ)** | Gọi x (km) là quãng đường AB ĐK: x > 0  Thời gian ô tô đi từ A đến B là  (h)  Thời gian ô tô đi từ B về A là  (h)  Vì thời gian cả đi lẫn về mất 9g nên ta có phương trình.  +  = 9  ⇔4x + 5x = 1800  ⇔9x = 1800  ⇔ x = 200 (nhận)  Vậy quãng đường AB dài 200km | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **5(0,75đ)** | Phương trình (2x + 1)(2m+ 8x) =40 + 5(x +3) có nghiệm là 3  ⇒x = 3  ⇒7(2m + 24) = 40 + 30  ⇔14m + 168 = 70  ⇔14m = – 98  ⇔m = – 7 | 0,25  0,25  0,25 |
| **6(3,0đ)** | A  B  C  H  D  E  M |  |
| a) Tính độ dài BC  Xét ΔABC vuông tại A  Ta có BC2 = AB2 + AC2 ( Py ta go)  = 92 + 12 2  = 225  ⇒ BC = 15 cm  S  S | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| b) Chứng minh ABC ΔHBA  Xét ΔABC và ΔHBA  Ta có :  = 900  chung  Vậy ABC ΔHBA | 0,5  0,25  0,25 |
| c) Vẽ BD là tia phân giác của ( D ∈AC). Tia BD cắt AH tại E . Vẽ AM ⊥BD tại M. Chứng minh AM là tia phân giác của  Cm ΔHBE đồng dạng với ΔABD  ⇒  Mà ( đối đỉnh)  ⇒  ⇒ΔADE cân tại A  Mà AM là đường cao ( AM ⊥ED)  Vậy AM là tia phân giác của | 0,25  0,25  0,25  0,25 |